

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC
KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Chủ tịch và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Bình	Thành viên
Ông Phạm Cao Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Hương Giang	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Huy	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cao Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đàm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Văn Huy, chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN HUY - Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016, từ trang 6 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2016



VÕ THÊ HOÀNG – Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN ĐỨC TẤN - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2666-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.866.006.252		148.053.708.987	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.629.301.994		17.379.580.210	
1. Tiền	111		20.629.301.994		17.379.580.210	
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000		-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000		62.000.000.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000		62.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.995.920.321		30.566.836.920	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		26.597.626.944		27.189.262.268	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		713.886.020		2.186.899.400	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.838.007.357		1.190.675.252	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(153.600.000)		-	
IV. Hàng tồn kho	140		39.315.908.365		33.190.983.877	
Hàng tồn kho	141		39.315.908.365		33.190.983.877	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.924.875.572		4.916.307.980	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.582.596.413		354.368.963	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.483.175.433		912.435.118	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		859.103.726		3.649.503.899	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		385.383.732.394		321.564.897.578	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-		-	
II. Tài sản cố định	220		357.498.477.162		281.438.952.686	
1. Tài sản cố định hữu hình	221		339.631.834.613		262.213.079.283	
Nguyên giá	222		599.647.060.311		496.015.005.625	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.015.225.698)		(233.801.926.342)	
2. Tài sản cố định vô hình	224	V.10	17.866.642.549		19.225.873.403	
Nguyên giá	225		22.698.885.000		22.698.885.000	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.832.242.451)		(3.473.011.597)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.763.070.291		11.746.127.754	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	353.084.013		2.485.165.920	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	21.409.986.278		9.260.961.834	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	3.507.867.366		1.000.000.000	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.600.000.000		1.000.000.000	
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(92.132.634)		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.614.317.575		27.379.817.138	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.614.317.575		27.379.817.138	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		539.249.738.646		469.618.606.565	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		248.073.341.159	185.267.933.769
I. Nợ ngắn hạn	310		76.852.429.765	83.315.676.037
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	8.480.347.355	15.324.053.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.239.686.000	3.579.734.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	25.712.614.190	24.920.803.604
4. Phải trả người lao động	314		20.086.380.000	21.627.506.145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.080.203.983	2.584.915.122
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		65.024.545	106.045.453
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		359.179.414	471.408.657
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		13.116.160.000	11.006.160.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.712.834.278	3.695.049.278
II. Nợ dài hạn	330		171.220.911.394	101.952.257.732
1. Phải trả dài hạn khác	337		8.403.583.354	10.554.835.354
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		160.862.158.378	91.397.422.378
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.955.169.662	-
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		291.176.397.487	284.350.672.796
I. Vốn chủ sở hữu	410		291.176.397.487	284.350.672.796
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.349.780.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.973.741.552	23.497.796.861
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		2.610.791.861	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		25.362.949.691	23.497.796.861
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		539.249.738.646	469.618.606.565

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2016



TRẦN VĂN HUY
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc


NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN QUÂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	240.621.297.551	204.656.929.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	18.729.820	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		240.602.567.731	204.656.929.681
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	200.949.056.938	169.731.786.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.653.510.793	34.925.143.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.105.630.901	3.473.990.018
7. Chi phí tài chính	22		5.467.490.467	5.936.679.348
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.375.357.833	5.936.679.348
8. Chi phí bán hàng	24		246.935.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.070.012.321	5.395.480.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.974.703.906	27.066.973.105
11. Thu nhập khác	31		4.624.211.328	5.992.503.692
12. Chi phí khác	32		4.554.226.416	6.116.932.684
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		69.984.912	(124.428.992)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.044.688.818	26.942.544.113
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.681.739.127	3.444.747.252
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.362.949.691	23.497.796.861
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		810	791
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		810	791

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2016



TRẦN VĂN HUY
 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc


 NGUYỄN VĂN QUÂN
 Kế toán trưởng


 NGUYỄN VĂN QUÂN
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.044.688.818	26.942.544.113
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		49.957.875.143	46.044.428.200
- Các khoản dự phòng	03		245.732.634	-
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05		(4.105.630.901)	(1.031.318.753)
- Chi phí lãi vay	06		5.375.357.833	5.936.679.348
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.518.023.527	77.892.332.908
- Tăng các khoản phải thu	09		(23.473.912.969)	(1.345.780.129)
- Tăng hàng tồn kho	10		(3.992.842.581)	(5.172.812.574)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải nộp)	11		(102.093.282.024)	(30.611.227.757)
- Giảm chi phí trả trước	12		22.537.272.113	14.394.076.590
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.328.402.466)	(7.206.902.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.891.338.954)	(4.700.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		116.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.035.440.000)	(16.574.299.207)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.643.923.354)	26.675.387.504
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.352.448.256)	(64.304.393.943)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.600.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		42.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		3.831.175.394	3.146.052.752
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.878.727.138	(72.158.341.191)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		82.580.896.000	4.686.920.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.006.160.000)	(8.119.620.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.559.818.000)	(6.474.909.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		56.014.918.000	(9.907.609.643)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		38.249.721.784	(55.390.563.330)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.379.580.210	-
Tiền bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa				72.770.143.540
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	55.629.301.994	17.379.580.210

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2016

TRẦN VĂN HUY
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN QUÂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa theo Quyết định số 2171/QĐ – UBND ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200238007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- **Vốn điều lệ** : 260.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn

điều lệ theo Giấy chứng nhận kinh doanh như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15,62
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15
Cộng	<u>260.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : (058) 3 822 142 – 3 815 372

Fax : (058) 3 819 144 – 3 810 740

Mã số thuế : 4 2 0 0 2 3 8 0 0 7

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ

3. Ngành, nghề kinh doanh :

Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty.

Chi tiết như sau:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	30%	30%	Khai thác, xử lý, cung cấp nước

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 325 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 321 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.2, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, xem Thuyết minh số VIII.5.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là kỳ kế toán năm thứ 2 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn và dài hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng và phải thu cung cấp dịch vụ.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản phụ không mang tính thương mại như, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định khác của Công ty.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 - 5 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước Thành phố Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống,...chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản, đồng hồ thay mới.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản và đồng hồ thuê bao đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm;

Căn cứ vào hiệu quả kinh doanh năm 2015, chi phí trả trước dài hạn của lắp đặt hệ thống nước cho các hộ tư gia, chi phí lắp đồng hồ thay thế hết thời hạn sử dụng đã phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015 với số tiền là 6.165.128.416 VND và giá trị còn lại của các công cụ, dụng cụ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.126.513.916 VND.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD,...

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản và đồng hồ thuê bao đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm;

Căn cứ vào hiệu quả kinh doanh năm 2015, chi phí trả trước dài hạn của lắp đặt hệ thống nước cho các hộ tư gia, chi phí lắp đồng hồ thay thế hết thời hạn sử dụng đã phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015 với số tiền là 6.165.128.416 VND và giá trị còn lại của các công cụ, dụng cụ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.126.513.916 VND.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học và công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Tiền mặt	5.657.870	19.568.776
Tiền gửi ngân hàng	20.623.644.124	17.360.011.434
Các khoản tương đương tiền (i)	35.000.000.000	-
Cộng	<u>55.629.301.994</u>	<u>17.379.580.210</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>				
Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa	15.000.000.000	-	33.000.000.000	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa	5.000.000.000	-	17.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	9.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa Phòng giao dịch Vĩnh Hải	-	-	3.000.000.000	-
Cộng	20.000.000.000	-	62.000.000.000	-

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 20.000.000.000 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 62.000.000.000 đồng), lãi suất từ 5,3% đến 5,7%/năm.

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	3.600.000.000	(92.132.634)	3.507.867.366	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng	3.600.000.000	(92.132.634)	3.507.867.366	1.000.000.000	-	1.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(*) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với tổng số vốn cam kết góp là 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh sản xuất chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Trong năm 2015 Công ty đã đầu tư 2.600.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 3.600.000.000VND, tương đương 15% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu theo cam kết là 20.400.000.000VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Phải thu tiền nước khách hàng	23.585.853.293	21.683.231.268
Phải thu hoạt động xây lắp	862.911.651	512.484.000
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước	2.148.862.000	4.993.547.000
Cộng	<u>26.597.626.944</u>	<u>27.189.262.268</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	-	912.000.000
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp Omina	310.271.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường (Ideca)	98.000.000	437.910.000
Công ty TNHH Trung Nguyễn	-	549.869.400
Các khách hàng khác	305.615.020	287.120.000
Cộng	<u>713.886.020</u>	<u>2.186.899.400</u>
(*) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan (xem Thuyết minh số VIII.2)	-	912.000.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	274.455.507	-	-	-
Ký cược vỏ chai	20.000.000	-	20.000.000	-
Thuế TNCN còn phải thu của công nhân viên	1.438.551.850	-	1.017.870.100	-
Phải thu tiền BHXH	-	-	17.805.152	-
Tạm ứng nhân viên	105.000.000	-	135.000.000	-
Cộng	<u>1.838.007.357</u>	<u>-</u>	<u>1.190.675.252</u>	<u>-</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Nợ xấu

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>						
Công ty cổ phần 504	100.000.000	-	(100.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần CATSOFT	53.600.000	-	(53.600.000)	-	-	-
Cộng	153.600.000	-	(153.600.000)	-	-	-

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản trả trước cho người bán đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.967.461.843	-	33.190.983.877	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	348.446.522	-	-	-
Cộng	39.315.908.365	-	33.190.983.877	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
a) <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	2.582.596.413	354.368.963
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.582.596.413	317.414.963
Chi phí khác	-	36.954.000
b) <i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	2.614.317.575	27.379.817.138
Lợi thế kinh doanh	1.360.936.983	2.721.873.951
Đồng hồ thay mới	39.698.333	8.923.738.341
Hệ thống nước	1.086.815.583	14.931.308.139
Chi phí khác	126.866.676	802.896.707
Cộng	<u>5.196.913.988</u>	<u>27.734.186.101</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động của tài sản cố định hữu hình trong kỳ:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2015	48.202.105.301	89.670.675.463	357.168.429.481	973.795.380	496.015.005.625
Tăng trong năm	10.056.028.545	78.356.351.619	37.138.818.728	807.000.000	126.358.198.892
Mua sắm mới	-	62.543.606.619	982.273.728	807.000.000	64.332.880.347
Chuyển từ XDCC sang	8.585.907.000	15.502.772.000	34.661.971.000	-	58.750.650.000
Tăng từ sửa chữa, cải tạo	1.470.121.545	309.973.000	1.494.574.000	-	3.274.668.545
Giảm trong năm	904.503.339	18.359.549.228	3.375.981.503	86.110.136	22.726.144.206
31/12/2015	57.353.630.507	149.667.477.854	390.931.266.706	1.694.685.244	599.647.060.311
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2015	21.707.869.156	50.904.794.171	160.389.941.484	799.321.531	233.801.926.342
Tăng trong năm	3.738.720.212	13.621.290.153	30.896.781.032	341.852.892	48.598.644.289
Khấu hao trong năm	3.738.720.212	13.621.290.153	30.896.781.032	341.852.892	48.598.644.289
Giảm trong năm	904.503.339	18.296.164.231	3.101.514.204	83.163.159	22.385.344.933
31/12/2015	24.542.086.029	46.229.920.093	188.185.208.312	1.058.011.264	260.015.225.698
Giá trị còn lại					
31/12/2014	26.494.236.145	38.765.881.292	196.778.487.997	174.473.849	262.213.079.283
31/12/2015	32.811.544.478	103.437.557.761	202.746.058.394	636.673.980	339.631.834.613
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
31/12/2014	4.458.174.354	31.722.289.923	13.504.039.874	185.526.380	49.870.030.531
31/12/2015	5.254.024.377	18.065.198.951	19.726.276.809	762.330.698	43.807.830.835

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
GTCL của TSCĐ hữu hình đang thế chấp Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo nợ các khoản vay dài hạn (xem Thuyết minh số V.19b):					
31/12/2014	7.967.024.746	11.014.542.278	2.688.700.437	-	21.670.267.461
31/12/2015	7.340.616.580	8.965.588.275	2.538.400.413	-	18.844.605.268

Như trình bày tại Thuyết minh số V.19b, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 19 tháng 9 năm 2013 của Dự án cấp nước sạch xã Vĩnh Lương và Hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTD-ĐTPT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Dự án Cấp nước sạch Khu dân cư Diên Thủy, Diên Sơn và Diên Phú với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18.844.605.268 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2015	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2015	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2015	1.559.854.800	1.671.736.709	241.420.088	3.473.011.597
Tăng trong năm	779.927.400	537.917.050	41.386.404	1.359.230.854
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2015	2.339.782.200	2.209.653.759	282.806.492	4.832.242.451
Giá trị còn lại				
31/12/2014	17.938.330.200	908.167.291	379.375.912	19.225.873.403
31/12/2015	17.158.402.800	370.250.241	337.989.508	17.866.642.549

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá phần mềm máy vi tính bao gồm các phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.098.903.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 820.203.000 VND).

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	353.084.013	2.485.165.920
Cộng	353.084.013	2.485.165.920

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình tuyến ống cấp nước DN 300 từ đường Nguyễn Khuyến - Ngã ba Hòn Xện	-	2.769.873.973
Công trình tuyến ống cấp nước từ Ngã Ba Thành đi tỉnh lộ 2	-	1.773.348.323
Công trình nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh	2.795.102.744	2.259.749.016
Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống nước TP. Nha Trang	1.053.702.202	409.027.272
Các công trình tuyến ống cấp nước	10.130.288.943	902.886.677
Tuyến ống cấp nước Khu dân cư Diên Thủy - Diên Điền - Diên Phú	7.430.892.389	603.630.195
Chợ Lương Sơn đến Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	-	542.446.378
Cộng	21.409.986.278	9.260.961.834

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	691.863.000	691.863.000	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Đồng Phát	885.659.000	885.659.000	-	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật Á Châu	-	-	986.000.000	986.000.000
Công ty Cổ phần nhựa Tân Tiến	-	-	2.403.466.560	2.403.466.560
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	-	-	1.887.721.000	1.887.721.000
Công ty Cổ phần truyền thông Adtec	403.480.000	403.480.000	2.217.600.000	2.217.600.000
Công ty Cổ phần tự động công nghiệp Omina	-	-	755.224.000	755.224.000
Công ty TNHH Dũng Lợi	4.216.772.000	4.216.772.000	3.377.427.000	3.377.427.000
Công ty Cổ phần Quản lý & Xây dựng giao thông Khánh Hòa	917.617.000	917.617.000	1.706.554.370	1.706.554.370

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Việt Phố		-	875.722.500	875.722.500
Các nhà cung cấp khác	1.364.956.355	1.364.956.355	1.114.338.348	1.114.338.348
Cộng	8.480.347.355	8.480.347.355	15.324.053.778	15.324.053.778
(*) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (xem Thuyết minh số VIII.2)	691.863.000	691.863.000	-	-

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Người mua trả trước cho hoạt động xây lắp và thiết kế	2.239.686.000	3.579.734.000
Cộng	2.239.686.000	3.579.734.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
Thuế GTGT hàng bán/dịch vụ cung cấp trong nước	-	178.740.061	178.740.061	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(3.649.503.899)	4.681.739.127	1.891.338.954	(859.103.726)
Thuế thu nhập cá nhân	1.001.128.654	2.493.025.350	1.918.651.154	1.575.502.850
Tiền thuê đất	19.498.185.000	-	-	19.498.185.000
Các loại thuế khác	119.888.800	1.599.234.773	1.591.043.173	128.080.400
<i>Thuế môn bài</i>	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế tài nguyên</i>	119.888.800	1.549.909.320	1.541.717.720	128.080.400
<i>Thuế nhà đất</i>	-	46.325.453	46.325.453	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.301.601.150	49.224.789.089	49.015.544.299	4.510.845.940
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	-	3.442.130.916	3.145.794.813	296.336.103
<i>Phí thoát nước đô thị</i>	4.003.468.550	44.480.177.613	44.597.624.926	3.886.021.237
<i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i>	298.132.600	1.302.480.560	1.272.124.560	328.488.600
Cộng	21.271.299.705	58.177.528.400	54.595.317.641	24.853.510.464

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
<i>Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	3.649.503.899	-		859.103.726
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>24.920.803.604</u>	-		<u>25.712.614.190</u>

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

+ Hoạt động cung cấp nước sạch : 5%

+ Hoạt động xây lắp, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác : 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	31/12/2014
Chi phí lãi vay phải trả	330.332.388	506.577.021
Chi phí công trình	942.111.480	1.230.314.603
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	317.007.890	324.000.000
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	192.900.000	131.600.000
Chi phí may BHLĐ cho Công nhân năm 2015	249.018.104	-
Chi phí tiền điện sản xuất	361.010.529	-
Chi phí khác	687.823.592	392.423.498
Cộng	<u>3.080.203.983</u>	<u>2.584.915.122</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu lắp đặt ống nhánh tư gia	65.024.545	106.045.453
Cộng	<u>65.024.545</u>	<u>106.045.453</u>

18. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	359.179.414	471.408.657
Kinh phí công đoàn	288.611.884	281.474.741
Thanh toán chế độ ốm đau thai sản	70.567.530	68.744.470
Thuế TNCN còn phải trả cho CNV	-	53.189.446
Chi phí bảo lãnh dự thầu	-	68.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
b) Phải trả dài hạn khác	8.403.583.354	10.554.835.354
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (*)	8.126.400.000	9.903.200.000
Hội phí Cấp nước miền Trung Tây Nguyên	277.183.354	251.635.354
Khoản tiền nhận cho Công trình Khu kinh tế mới Chín Khúc - An Ninh - Diên An - Diên Khánh	-	400.000.000
Cộng	<u>8.762.762.768</u>	<u>11.026.244.011</u>

(*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng/ lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

19. Vay và nợ tài chính

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	13.116.160.000	13.116.160.000	11.006.160.000	11.006.160.000
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa	4.090.000.000	4.090.000.000	1.980.000.000	1.980.000.000
b) Vay dài hạn	160.862.158.378	160.862.158.378	91.397.422.378	91.397.422.378
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (i)	67.696.200.978	67.696.200.978	76.722.360.978	76.722.360.978
Vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa (ii)	15.278.061.400	15.278.061.400	14.675.061.400	14.675.061.400
Vay dài hạn ngân sách tỉnh Khánh Hòa (iii)	77.887.896.000	77.887.896.000	-	-
Tổng cộng	<u>173.978.318.378</u>	<u>173.978.318.378</u>	<u>102.403.582.378</u>	<u>102.403.582.378</u>

(i) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa với hạn mức 135.392.400.978 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn vay là 25 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc 20 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2004 đến ngày 01 tháng 12 năm 2024. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”. Khoản vay này chịu lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 76.722.360.978 VND.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi Chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “ Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

(ii) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTĐ-ĐTPT ngày 19 tháng 9 năm 2013 với hạn mức 28.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2013, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Cấp nước sạch xã Vĩnh Lương”, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cảnh. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29 %/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 14.675.061.400 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTĐ-ĐTPT ngày 30 tháng 10 năm 2015 với hạn mức 25.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 90 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2015, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Cấp nước sạch Khu dân cư Diên Thủy, Diên Sơn và Diên Phú”, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành bằng vốn vay. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29 %/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.693.000.000 VND.

(iii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa với hạn mức 78.987.739.865 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Khoản vay này dùng để Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cảnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cảnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa. Khoản vay này chịu lãi suất 0%. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 77.887.896.000 VND.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa và Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa được hoàn trả theo lịch như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Trong vòng 1 năm	13.116.160.000	11.006.160.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	51.382.701.400	48.914.640.000
Sau 5 năm	31.591.560.978	42.482.782.378
Cộng	96.090.422.378	102.403.582.378
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(13.116.160.000)</u>	<u>(11.006.160.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	82.974.262.378	91.397.422.378

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Khoản mục	Tăng do trích		Tăng khác	Chi/ sử dụng các quỹ trong kỳ	31/12/2015
	01/01/2015	lập từ lợi nhuận			
Quỹ khen thưởng	(280.942.000)	2.349.780.000	-	(2.113.130.000)	(44.292.000)
Quỹ phúc lợi	3.975.991.278	-	116.000.000	(334.865.000)	3.757.126.278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	587.445.000	-	(587.445.000)	-
Cộng	3.695.049.278	2.937.225.000	116.000.000	(3.035.440.000)	3.712.834.278

21. Quỹ phát triển khoa học công nghệ

	2015	2014
Tại ngày 01 tháng 01	-	-
Số trích lập trong năm	1.955.169.662	-
Chi/ sử dụng quỹ trong năm	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	1.955.169.662	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2014	-	-	-	-	-
Bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa	260.000.000.000	852.875.935	4.891.090.568	6.474.909.643	272.218.876.146
Lợi nhuận năm 2014	-	-	-	23.497.796.861	23.497.796.861
Nộp quỹ đầu tư phát triển năm 2013	-	-	(4.891.090.568)	-	(4.891.090.568)
Nộp lợi nhuận năm 2012 và năm 2013	-	-	-	(6.474.909.643)	(6.474.909.643)
31/12/2014	260.000.000.000	852.875.935	-	23.497.796.861	284.350.672.796
01/01/2015	260.000.000.000	852.875.935	-	23.497.796.861	284.350.672.796
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	25.362.949.691	25.362.949.691
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.349.780.000	(2.349.780.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.937.225.000)	(2.937.225.000)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(15.600.000.000)	(15.600.000.000)
31/12/2015	260.000.000.000	852.875.935	2.349.780.000	27.973.741.552	291.176.397.487

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200238007 ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 260.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		31/12/2015	Số vốn còn phải góp
	VND	%	VND	VND
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79%	206.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	16%	40.600.000.000	-
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5%	13.400.000.000	-
Cộng	260.000.000.000	100%	260.000.000.000	-

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015	2014
Doanh thu sản xuất nước sạch	209.256.136.332	174.410.497.301
Doanh thu hoạt động xây lắp	30.817.870.790	29.061.458.358
Doanh thu khảo sát thiết kế	547.113.838	1.143.617.614
Doanh thu bán vật tư	176.591	41.356.408
Cộng	240.621.297.551	204.656.929.681

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	18.729.820	-
Cộng	18.729.820	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
Giá vốn sản xuất nước	171.037.698.961	144.014.047.036
Giá vốn xây lắp	29.641.467.460	25.023.584.652
Giá vốn thiết kế	269.793.156	652.932.836
Giá vốn bán vật tư	97.361	41.221.889
Cộng	200.949.056.938	169.731.786.413

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	4.105.630.901	3.473.990.018
Cộng	4.105.630.901	3.473.990.018

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	5.375.357.833	5.936.679.348
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	92.132.634	-
Cộng	5.467.490.467	5.936.679.348

6. Chi phí bán hàng

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.080.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.150.000	-
Chi phí bằng tiền khác	87.705.000	-
Cộng	246.935.000	-

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	940.253.250	1.216.652.800
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	-	23.654.546
Chi phí đồ dùng văn phòng	407.620.040	563.894.617
Chi phí khấu hao	309.789.584	283.051.146
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	13.347.500
Chi phí dự phòng	153.600.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	679.766.232	194.095.485
Chi phí bằng tiền khác	5.575.983.215	3.100.784.739
Cộng	8.070.012.321	5.395.480.833

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu bán đơn bắt nước và bán vật tư	111.082.616	277.684.379
Thu từ phí bảo vệ môi trường được giữ lại	3.885.592.575	3.761.561.200
Thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	222.786.137	209.844.546
Thu nhập khác	4.750.000	-
Thu tiền lấp đặt hệ thống nước UBND Diên An	400.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	-	1.743.413.567
Thu nhập khác	4.624.211.328	5.992.503.692

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
Xử lý hàng tồn kho theo kiểm kê	135.332.845	19.398.165
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	340.799.273	2.114.733.999
Khấu hao tài sản cố định cho thuê	130.036.152	130.036.152
Chi hỗ trợ phí BVMT và thoát nước đô thị	3.315.188.110	3.244.948.410
Chi phí quản lý tài sản cho thuê	27.501.146	47.868.891
Các khoản nợ không thu hồi được	55.879.160	13.444.753
Chi phí khác	549.489.730	546.502.314
Chi phí khác	4.554.226.416	6.116.932.684
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	69.984.912	(124.428.992)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015			Năm 2014		
	Hoạt động ưu đãi	Hoạt động không ưu đãi	Cộng	Hoạt động ưu đãi	Hoạt động không ưu đãi	Cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.186.613.366	3.858.075.452	30.044.688.818	20.735.414.858	6.207.129.255	26.942.544.113
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	6.165.128.416	938.406.343	7.103.534.759	-	25.624.228	25.624.228
Trừ: Các khoản thu nhập không tính thuế	-	-	-	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	32.351.741.782	4.796.481.795	37.148.223.577	20.735.414.858	6.232.753.483	26.968.168.341
Bù trừ giữa các hoạt động	-	-	-	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế sau khi bù trừ	32.351.741.782	4.796.481.795	37.148.223.577	20.735.414.858	6.232.753.483	26.968.168.341
Thuế suất thông thường	10%	22%		10%	22%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.235.174.178	1.055.225.995	4.290.400.173	2.073.541.486	1.371.205.766	3.444.747.252
Cộng: Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	252.621.837	138.717.117	391.338.954	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.487.796.015	1.193.943.112	4.681.739.127	2.073.541.486	1.371.205.766	3.444.747.252

Đối với hoạt động sản xuất nước, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động theo công văn 143/CT-TTHT ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa, căn cứ vào khoản 3(a), điều 19 thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ Tướng Chính Phủ. Năm 2015 là năm thứ hai Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% tính trên thu nhập chịu thuế.

Đối với hoạt động động sản xuất, kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015	2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.362.949.691	23.497.796.861
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.311.701.447)	(2.937.225.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.051.248.244	20.560.571.861
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.000.000	26.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>810</u>	<u>791</u>

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.051.248.244	20.560.571.861
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	21.051.248.244	20.560.571.861
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	26.000.000	26.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>810</u>	<u>791</u>

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.679.910.386	67.797.079.270
Chi phí nhân công	58.050.786.769	50.812.316.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.827.838.991	45.914.392.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.385.512.904	3.523.869.529
Chi phí khác bằng tiền	10.538.319.824	8.611.805.098
Cộng	<u>207.482.368.874</u>	<u>176.659.462.233</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	274.455.507	-
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	137.620.661.518	22.465.886.438
Chi phí lãi vay phải trả	<u>8.456.732.388</u>	<u>10.409.777.021</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định năm trước đã trả trong năm	22.465.886.438	-
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	<u>10.409.777.021</u>	<u>-</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo Giấy chứng nhận đăng lý doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư 3.600.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ (xem thuyết minh số V.2b). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 20.400.000.000 VND.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu</i>		
Góp vốn đầu tư	2.600.000.000	1.000.000.000
Phải thu tiền thuê Văn Phòng	-	54.545.455
Trả tiền tư vấn lập dự án đầu tư các Công trình	355.314.000	-
Trả tiền thanh toán Công trình Cấp nước Khu ĐT An Viên	782.285.000	-
Phải trả tiền đầu nối hệ thống nước Sở Xây dựng Khánh Hòa	-	57.345.455
Trả tiền chi phí tư vấn giám sát thi công dự toán nâng công suất Nhà máy Võ Cạnh	246.518.000	756.912.727

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ứng trước 30%% tiền thi công hệ thống cấp nước Quốc lộ 1A – suối Dầu	177.000.000	-
Ứng trước tiền thi công HTCN KĐT an Viên	-	2.042.000.000
Phải trả tiền cải tạo HTCN KĐT An Viên	-	1.027.272.727
Phải trả tiền thi công hệ thống cấp nước Quốc lộ 1A – suối Dầu	691.863.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu		
Phải trả người bán ngắn hạn	691.863.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	912.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	2015	2014
Lương, thưởng và phụ cấp	4.821.011.000	4.041.701.125
Cộng	4.821.011.000	4.041.701.125

3. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: sản xuất nước sạch, hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và bán vật tư. Báo cáo doanh thu theo bộ phận thể hiện kết quả của lĩnh vực kinh doanh trong kỳ như sau:

	2015	2014
Hoạt động sản xuất nước sạch		
Doanh thu	209.256.136.332	174.410.497.301
Giá vốn	171.037.698.961	144.014.047.036
Lợi nhuận gộp	38.218.437.371	30.396.450.265
Hoạt động xây lắp		
Doanh thu	30.799.140.970	29.061.458.358
Giá vốn	29.641.467.460	25.023.584.652
Lợi nhuận gộp	1.157.673.510	4.037.873.706
Hoạt động khảo sát thiết kế		
Doanh thu	547.113.838	1.143.617.614
Giá vốn	269.793.156	652.932.836
Lợi nhuận gộp	277.320.682	490.684.778

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2015	2014
Hoạt động bán vật tư		
Doanh thu	176.591	41.356.408
Giá vốn	97.361	41.221.889
Lợi nhuận gộp	79.230	134.519
Lợi nhuận gộp	39.653.510.793	34.925.143.268

Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do không đủ thông tin để tiến hành chia tách.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty trong kỳ toàn bộ nằm trong lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không phân biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi thế kinh tế.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.629.301.994	55.629.301.994	17.379.580.210	17.379.580.210
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.444.026.944	26.444.026.944	27.189.262.268	27.189.262.268
Phải thu ngắn hạn khác	1.458.551.850	1.458.551.850	1.037.870.100	1.037.870.100
Cộng	103.531.880.788	103.531.880.788	107.606.712.578	107.606.712.578
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	8.480.347.355	8.480.347.355	15.324.053.778	15.324.053.778

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.080.203.983	3.080.203.983	2.584.915.122	2.584.915.122
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.116.160.000	13.116.160.000	11.006.160.000	11.006.160.000
Phải trả dài hạn khác	8.403.583.354	8.403.583.354	10.554.835.354	10.554.835.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	160.862.158.378	160.862.158.378	91.397.422.378	91.397.422.378
Cộng	193.942.453.070	193.942.453.070	130.867.386.632	130.867.386.632

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2a và số V.2b.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của hàng hóa, vật tư mua vào.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả tiền trước, đặt cọc hay trả tiền ngay đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2015				
Phải trả người bán ngắn hạn	8.480.347.355	-	-	8.480.347.355
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.080.203.983	-	-	3.080.203.983
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.116.160.000	-	-	13.116.160.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả dài hạn khác	-	8.403.583.354	-	8.403.583.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	160.862.158.378	-	160.862.158.378
Cộng	24.676.711.338	169.265.741.732	-	193.942.453.070
				-
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.629.301.994	-	-	55.629.301.994
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000			20.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.444.026.944	-	-	26.444.026.944
Phải thu ngắn hạn khác	1.458.551.850	-	-	1.458.551.850
Cộng	103.531.880.788	-	-	103.531.880.788
				-
Chênh lệch thanh khoản thuần	78.855.169.450	(169.265.741.732)	-	(90.410.572.282)
				-
31/12/2014				
Phải trả người bán ngắn hạn	15.324.053.778	-	-	15.324.053.778
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.584.915.122	-	-	2.584.915.122
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.006.160.000	-	-	11.006.160.000
Phải trả dài hạn khác	-	10.554.835.354	-	10.554.835.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	91.397.422.378	-	91.397.422.378
Cộng	28.915.128.900	101.952.257.732	-	130.867.386.632
				-
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.379.580.210	-	-	17.379.580.210
Đầu tư ngắn hạn	62.000.000.000	-	-	62.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.189.262.268	-	-	27.189.262.268
Phải thu ngắn hạn khác	1.037.870.100	-	-	1.037.870.100
Cộng	107.606.712.578	-	-	107.606.712.578
				-
Chênh lệch thanh khoản thuần	78.691.583.678	(101.952.257.732)	-	(23.260.674.054)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Số liệu so sánh

Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Số dư 31/12/2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số dư 31/12/2014 (được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Phải thu ngắn hạn khác	964.680.654	225.994.598	1.190.675.252
Hàng tồn kho	35.676.149.797	(2.485.165.920)	33.190.983.877
Tài sản ngắn hạn khác	155.000.000	(155.000.000)	-
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	2.485.165.920	2.485.165.920

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	2015 (được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	904	(113)	791
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	791	791

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2016



TRẦN VĂN HUY
Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN QUÂN
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



Ha Noi Branch

- Room 1407, 137 Nguyen Ngoc Vu St., Cau Giay Ward, Ha Noi City
- Tel : (84-04) 6285 9222
- Fax : (84-04) 6285 9111
- Email : hanoi@vietlandaudit.com.vn

Kontum Representative Office

- No.1 Tran Nhan Ton St., Thang Loi Ward, Kontum City, Kontum
- Tel : (84-060) 3958 111
- Fax : (84-060) 3958 222
- Email : kontum@vietlandaudit.com.vn

Nha Trang Representative Office

- ACB Nha Trang Building, 3rd Fl., 80 Quang Trung St., Nha Trang City
- Tel : (84-058) 3522 767
- Fax : (84-058) 3522 795
- Email : nhatrang@vietlandaudit.com.vn

Binh Thuan Representative Office

- 371 Tran Hung Dao, Phan Thiet City, Binh Thuan
- Tel : (84-062) 6250 237
- Fax : (84-062) 6250 236
- Email : binhthuan@vietlandaudit.com.vn

Vung Tau Representative Office

- 34 Binh Gia St., Ward 8, Vung Tau City, BRVT
- Tel : (84-064) 3583 261
- Fax : (84-064) 3583 605
- Email : vungtau@vietlandaudit.com.vn

Tien Giang Representative Office

- 7G Rach Gam St., Ward 1, My Tho City, Tien Giang
- Tel : (84-073) 3978 484
- Fax : (84-073) 3978 485
- Email : tiengiang@vietlandaudit.com.vn

Kien Giang Representative Office

- Lot C13 - 50 Bu Van Ba Street, Quarter 4, Vinh Lac Ward, Rach Gia City, Kien Giang Province.
- Tel : (84-077) 3929 239
- Fax : (84-077) 3929 200
- Email : kiengiang@vietlandaudit.com.vn

Bac Lieu Representative Office

- 200 Nguyen Van Linh St., (New Urban Area), Ward 1, Bac Lieu City.
- Tel : (84-0781) 6255 022
- Fax : (84-0781) 6255 052
- Email : baclieu@vietlandaudit.com.vn

Ca Mau Representative Office

- 113 Phan Ngoc Hien St., Ward 5, Ca Mau City
- Tel : (84-0780) 3551 919
- Fax : (84-0780) 3551 918
- Email : camau@vietlandaudit.com.vn

Binh Dinh Representative Office

- 30 Thang 3 street, (Vinh Liem Area) Binh Dinh Ward, An Nhon Town, Binh Dinh Province.
- Tel : (84-056) 363 55 68
- Fax : (84-056) 363 55 68
- Email : binhdinh@vietlandaudit.com.vn